

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày 19-01-2024

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Dương Tấn Thanh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Vĩnh Lâm – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 243/2023/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn B, sinh năm 1968 (Có mặt)

Bị đơn: Bà Đoàn Hồng S, sinh năm 1973 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm A, Phường B, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 12 năm 2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Phạm Văn B đã trình bày như sau:

- Về hôn nhân: ông và bà Đoàn Hồng S sống chung từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn. Ông và bà S chung sống hạnh phúc cho đến khoảng 01 năm trở lại đây thì ông, bà S nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, sinh hoạt gia đình... nên thường xuyên cự cãi, dẫn đến mâu thuẫn của ông và bà S ngày càng trầm trọng. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn bà Đoàn Hồng S theo quy định.

- Về con chung: Ông và bà S có 02 người con đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông và bà S không có và không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 11 tháng 12 năm 2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn bà Đoàn Hồng S đã trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Bà và ông Phạm Văn B được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống Bà và ông B cũng có nhiều mâu thuẫn, mỗi lần vợ chồng có mâu thuẫn một chút là ông B cuốn đồ đi chỗ khác ở. Sự việc nhiều lần như vậy, làm bà thấy mệt mỏi. Hiện tại bà và ông B đã ly thân. Vì vậy, bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông B.

- Về con chung: Bà và ông B có hai đứa con đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Bà và ông B không có và không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn B và bà Đoàn Hồng S đều trình bày thống nhất chung sống như vợ chồng từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, ông bà có nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định như sau: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...” và “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng”. Như vậy, mặc dù ông B yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn bà S còn bà S có ý kiến đồng ý ly hôn nhưng do ông B và bà S không có đăng ký kết hôn nên theo quy định Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm Văn B và bà Đoàn Hồng S.

[2] Về con chung: Ông B và bà S có 02 người con chung nhưng đã thành niên nên không giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông B và bà S khai không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Ông B không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí hoặc không phải nộp án phí. Vì vậy, ông B là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn). Do vụ án được giải quyết theo thủ tục rút gọn nên án phí ông B phải chịu là 150.000 đồng. Hoàn trả cho ông B tiền tạm ứng án phí còn dư là 150.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 317, 320, 321, 322 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm Văn B và bà Đoàn Hồng S.

2. Về con chung: Ông Phạm Văn B và bà Đoàn Hồng S có 02 người con chung nhưng đã thành niên nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phạm Văn B và bà Đoàn Hồng S khai không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Buộc ông Phạm Văn B chịu án dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 150.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0020032 ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải. Như vậy, ông Phạm Văn B đã nộp xong án phí và ông B được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí còn dư là 150.000 đồng. Bà Đoàn Hồng S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Nguyên đơn ông Phạm Văn B và bị đơn bà Đoàn Hồng S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm rút gọn.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- Chi cục THADS TX. Duyên Hải;
- UBND Phường 2;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án. (9 bản)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Tấn Thanh

